

Số : 81/ TB-CĐCNTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 05 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc công khai tin chỉ, học phí năm học 2026-2027

Căn cứ quyết định số 03/QĐ-HĐQT, ngày 20 tháng 01 năm 2026, Về việc quyết định mức thu học phí đối với khóa tuyển sinh năm 2026.

Nhà trường thông báo công khai đơn giá mức thu học phí tuyển sinh cho khóa 2026 như sau:

Số TT	Chương trình	Đơn giá/ tính chỉ	Ghi chú
01	Chương trình Cao đẳng chất lượng cao	693.000đ/tín chỉ	
02	Chương trình cao đẳng đại trà	540.000đ/tín chỉ	
03	Chương trình Liên thông cao đẳng	540.000đ/tín chỉ	
04	Chương trình Trung cấp, Trung cấp 9 +	385.000đ/tín chỉ	
05	Chương trình cho các lớp văn hóa trung cấp 9 +	13.000đ/tiết	

Lưu ý: * Mức học phí trên không bao gồm thi lại, học lại.

* Đính kèm bảng tổng hợp tin chỉ, học phí áp dụng khóa tuyển sinh 2026.

Nơi nhận:

- Đăng website;
- Lưu VT, PKHTC

HIỆU TRƯỞNG 

BẢNG TỔNG HỢP TÍN CHỈ, HỌC PHÍ KHÓA NĂM 2026

CAO ĐẲNG						
Stt	Mã ngành	Tên ngành	Số tín chỉ	Đơn giá	Dự kiến học phí toàn khóa	Ghi chú
01	6480201	Công nghệ thông tin (CLC)	96	693,000	66,528,000	
02	6480201	Công nghệ thông tin	92	540,000	49,680,000	
03	6480104	Truyền thông và mạng máy tính	91	540,000	49,140,000	
04	6320201	Hệ thống thông tin	87	540,000	46,980,000	
05	6210402	Thiết kế đồ họa	89	540,000	48,060,000	
06	6480207	Lập trình máy tính	90	540,000	48,600,000	
07	6340122	Thương mại điện tử	99	540,000	53,460,000	
08	6510305	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	98	540,000	52,920,000	
09	6480105	Công nghệ kỹ thuật máy tính	90	540,000	48,600,000	
10	6340404	Quản trị kinh doanh	86	540,000	46,440,000	
11	6340301	Kế toán	85	540,000	45,900,000	
12	6340202	Tài chính – Ngân hàng	83	540,000	44,820,000	
13	6340113	Logistics	85	540,000	45,900,000	
14	6340113	Logistics CLC (Digital Logistics)	85	693,000	58,905,000	
15	6340116	Marketing	83	540,000	44,820,000	
16	6320106	Truyền thông đa phương tiện	83	540,000	44,820,000	
17	6480214	Thiết kế trang web	99	540,000	53,460,000	
LIÊN THÔNG CAO ĐẲNG						
Stt	Mã ngành	Tên ngành	Số tín chỉ	Đơn giá	Dự kiến học phí toàn khóa	Ghi chú
18	6480201	Công nghệ thông tin	39	540,000	21,060,000	
19	6480104	Truyền thông và mạng máy tính	40	540,000	21,600,000	
20	6320201	Hệ thống thông tin	39	540,000	21,060,000	
21	6210402	Thiết kế đồ họa	39	540,000	21,060,000	
22	6510312	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	41	540,000	22,140,000	
23	6480105	Công nghệ kỹ thuật máy tính	40	540,000	21,600,000	
24	6340404	Quản trị kinh doanh	59	540,000	31,860,000	
25	6340301	Kế toán	38	540,000	20,520,000	
26	6340202	Tài chính – Ngân hàng	51	540,000	27,540,000	
27	6340113	Logistics	54	540,000	29,160,000	
TRUNG CẤP						
Stt	Mã ngành	Tên ngành	Số tín chỉ	Đơn giá	Dự kiến học phí toàn khóa	Ghi chú
28	5480205	Tin học ứng dụng	62	385,000	23,870,000	



VĂN HÓA

Stt	Mã ngành	Tên ngành	Số tín chỉ	Đơn giá	Dự kiến học phí toàn khóa	Ghi chú
29		Toán (252t); Văn (252t); Sử (168t); Lý (168t)	840	13,000	10,920,000	

Các khoản thu khác:

- LP xét tuyển: 30.000đ
- LP đồng phục, cầm nang, Lp nhập học: 323.000đ.
- LP khám sức khỏe: 90.000đ.
- LP thẻ quản lý sinh viên đa năng VinaID: 360.000đ

